

Số: 596/BC-UBND

An Giang ngày 12 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Quý III năm 2021)

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; UBND tỉnh An Giang báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý III năm 2021 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 0 thủ tục.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: 0 thủ tục.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong kỳ tỉnh An Giang không phát sinh dự thảo văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Trong Quý III năm 2021, tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: là 14 Quyết định.
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 0 văn bản.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 483 thủ tục (bao gồm: công bố mới: 39 TTHC; Sửa đổi, bổ sung: 138 TTHC; bãi bỏ 25 TTHC); trong đó số TTHC được công khai 390 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 2002 thủ tục; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 1995 thủ tục; số TTHC do địa phương quy định: 07 thủ tục.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 về Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021. Theo đó, các đơn vị sẽ tiến hành rà soát với 32 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan đơn vị, trong đó có 04 thủ tục của ngành bảo hiểm xã hội.

- Ngày 09/9/2021 UBND tỉnh An Giang đã có Báo cáo số 554/BC-UBND về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021, theo đó kiến nghị với 23 thủ tục: Sửa đổi 02 thủ tục; Thêm mới 01 thủ tục; Bổ sung thành phần hồ sơ 02 thủ tục; Cắt bớt (giảm) thành phần hồ sơ 05 thủ tục; Bãi bỏ 08 thủ tục; Rút ngắn thời gian 05 thủ tục; Giữ nguyên 04 thủ tục của ngành bảo hiểm xã hội; Thực hiện theo quyết định của bộ (sửa đổi, bãi bỏ) với 09 thủ tục.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 39 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 38; số từ kỳ trước chuyển qua: 1; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 36; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 3.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 37 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 37 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 2 PAKN.

****Đối với các cơ quan ngành dọc:***

Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 11 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 7; số từ kỳ trước chuyển qua: 4; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 11; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 0.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 9 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 9 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 2 PAKN

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC (Các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh)

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 235.244 (trực tuyến: 58.639, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 149.718; số từ kỳ trước chuyển qua: 26.887).

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 228.293; trong đó, giải quyết trước hạn: 34.191, đúng hạn: 193.925, quá hạn: 177.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 6.780; trong đó, trong hạn: 6.753, quá hạn: 27.

b) Trung tâm phục vụ hành chính công

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ là 11.812 hồ sơ (trong đó mức độ 3 là 906 hồ sơ chiếm 8%, mức độ 4 là 7.532 hồ sơ chiếm 64%)

- Hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 1.488 hồ sơ.

- Hồ sơ không đủ điều kiện: 329 hồ sơ.

- Tổng hồ sơ phải xử lý: 13.300 hồ sơ.

- Tổng hồ sơ đã xử lý trong kỳ là 12.093 hồ sơ (trong đó đúng hạn 12.073 hồ sơ chiếm 99,8%, trễ hạn 20 hồ sơ chiếm tỷ lệ 0,2%). Nguyên nhân giải quyết hồ sơ trễ hạn chủ yếu là do cán bộ phòng chuyên môn xử lý chậm trễ.

- Hồ sơ đang giải quyết là 878 hồ sơ, tất cả hồ sơ đều còn trong thời hạn giải quyết, không có hồ sơ quá hạn mà chưa giải quyết.

- Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích trong kỳ: tiếp nhận 228 hồ sơ và trả kết quả 1.720 hồ sơ.

c) Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 1.201.684 (trực tuyến: 585.194, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 306.730); số từ kỳ trước chuyển qua: 309.760.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 904.681; trong đó, giải quyết trước hạn: 563.293, đúng hạn: 341.385, quá hạn: 3.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 297.003; trong đó, trong hạn: 296.997, quá hạn: 6.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

a) Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

- Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Trong năm 2018, UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh An Giang đã hoàn thành việc kiện toàn 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã, trong đó bao gồm cả TTPVHHC của tỉnh¹.

- Hiện nay, tỉnh An Giang cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ đã đặt ra theo Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (gọi tắt là Đề án). Trong Quý II, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án và đến nay 11/11 UBND cấp huyện cơ bản đã xây dựng và ban hành kế hoạch theo đúng yêu cầu của Thủ tướng và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

Trong thời gian vừa qua, UBND tỉnh đã có chủ trương cho thí điểm thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp huyện (thành phố Châu Đốc, huyện Châu phú) trực thuộc UBND cấp huyện, thời hạn thí điểm 01 năm. Đối với thành phố Châu Đốc đã triển khai vào tháng 6 năm 2021, riêng huyện Châu phú chưa triển khai thực hiện.

b) Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh

Đến nay, UBND tỉnh đã công bố danh mục với 100% TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa đảm bảo đúng quy định tại Điều 14 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/04/2018 của Văn phòng Chính phủ và danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

¹ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

Trong Quý III năm 2021, UBND tỉnh đã công bố 14 Quyết định về công bố danh mục TTHC: ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị (*Phụ lục 1*); 16 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các đơn vị (*Phụ lục 2*).

c) Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã hoàn thành tích hợp hệ thống đánh giá việc giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đúng theo quy định tại Điều 14 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tuy nhiên đến nay không phát sinh số lượt đánh giá, nguyên nhân chủ yếu do người dân còn tâm lý e ngại chưa mạnh dạn đánh giá, tiêu chí đánh giá quá nhiều.

d) Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông

Hiện nay tỉnh An Giang vẫn đang thực hiện Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 08/07/2021 về công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

- Liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh với 10 lĩnh vực và 73 thủ tục. Các cơ quan ngành dọc 05 thủ tục.
- Liên thông cùng cấp:
 - + Cấp tỉnh 03 lĩnh vực và 19 thủ tục.
 - + Các cơ quan ngành dọc với 06 thủ tục.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tái cấu trúc quy trình TTHC, UBND tỉnh đã ban hành Danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 (thay thế Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 08/02/2021). UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát và cập nhật dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về phê duyệt danh mục, lộ trình dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2021 với 894 DVCTT, đến nay đã hoàn thành tích hợp được 500 dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia (chiếm tỷ lệ 55.92%).

Bên cạnh đó, Cổng dịch vụ công trực tuyến cung cấp giao diện cho thiết bị di động để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dichvucong.angiang.gov.vn/dichvucong/hoidap>, tiếp nhận phản ánh kiến nghị thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh hoặc qua kênh tương tác Zalo, liên hệ trực tiếp.

Cổng dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh đã kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment platform của Cổng Dịch vụ công Quốc gia để thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, thuế,...trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện dịch vụ công.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Trong Quý III năm 2021, tiếp tục thực hiện Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch tuyên truyền Cải cách thủ tục hành chính năm 2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể:

- Văn phòng UBND tỉnh in và phát về các Bộ phận Một cửa của các cấp trên địa bàn tỉnh các tờ rơi về các hình thức nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỉnh An Giang cũng đã hoàn thành thực hiện kết nối, tích hợp và triển khai thực hiện dịch vụ công nghĩa vụ tài chính về thủ tục đất đai từ ngày 01/6/2021. Theo thống kê trong kỳ báo cáo (15/6/2021 – 14/9/2021) có đã có 3.391 lượt giao dịch thành công với tổng số tiền 19.380.870.090 đồng.

- Trong thời gian tới, UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện và hoàn thành các dịch vụ công còn lại theo đúng lộ trình của Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021.

- Trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, các đơn vị cũng đã khéo léo lồng ghép việc tuyên truyền thông qua các hội nghị giao ban, tọa đàm, quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC; các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC:

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm soát thủ tục hành chính cũng như công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh trong năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 ban hành kế hoạch phát động thi đua trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021. Theo đó, có 10 nội dung trọng tâm bám sát các nhiệm vụ của cải cách thủ tục hành chính và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Trong năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 19/01/2021 kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2021. Theo đó, UBND tỉnh dự kiến trong quý III hoặc quý III sẽ tiến hành kiểm tra 24 đơn vị (2 đơn vị cấp tỉnh, 11 đơn vị cấp huyện, 11 đơn vị cấp xã). Hiện nay, An Giang đang trong tình hình dịch diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 do đó tỉnh chưa tổ chức kiểm tra thực tế tại các địa phương.

12. Nội dung khác

Trong kỳ, UBND tỉnh cũng đã ban hành các văn bản liên quan về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, như sau:

1. Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 08/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang;

2. Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 28/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc Ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang;

3. Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 24/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao tiếp nhận tại bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang;

4. Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 21/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang;

5. Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 21/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh An Giang;

6. Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày của Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh An Giang;

7. Kế hoạch số 513/KH-UBND ngày của Chủ tịch UBND tỉnh Kế hoạch Triển khai và cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang;

8. Công văn số 846/UBND-TH ngày của Chủ tịch UBND tỉnh V/v triển khai việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ DVC hỗ trợ đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

9. Công văn số 839/UBND-TH ngày của Chủ tịch UBND tỉnh V/v cung cấp danh sách TTHC trong ba năm gần nhất (2019-2021) không có hồ sơ phát sinh;

10. Công văn số 595/UBND-TH ngày của Chủ tịch UBND tỉnh V/v thực hiện nhiệm vụ về cung cấp DVCTT và cơ chế một cửa tại các Nghị quyết của Chính phủ;

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong quý III năm 2021, UBND tỉnh An Giang nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau:

a. Thuận lợi:

- Hiện nay, công tác cải cách hành chính nói chung và kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính nói riêng được sự quan tâm chỉ đạo từ Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên đã tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Một số bộ, ngành công khai thủ tục hành chính kèm Quyết định công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc công bố danh mục và tích hợp, công khai thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia.

b. Khó khăn:

- Việc công bố thủ tục hành chính của một số bộ, ngành Trung ương còn nhiều bất cập; nhiều văn bản pháp luật đã có hiệu lực thi hành nhưng các bộ, ngành Trung ương không kịp thời công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thủ tục hành chính gây khó khăn, lúng túng cho các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện; nội dung, thành phần thủ tục hành chính được công bố không đầy đủ theo quy định, có thủ tục không quy định thời gian thực hiện cụ thể, thành phần hồ sơ không quy định... gây khó khăn cho các địa phương trong công tác triển khai thực hiện, nhất là đối với việc xây dựng quy trình nội bộ để thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử.

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện các giao dịch hồ sơ thủ tục hành chính mặc dù đã có sự chuyển biến rõ nét trong thời gian gần đây nhưng hiệu quả vẫn còn chưa cao, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức trực tiếp vẫn chiếm đa số trong tổng số lượng hồ sơ giao dịch.

- Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện kiểm soát TTHC phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ và cũng được thay đổi thường xuyên do công tác cán bộ nên việc cập nhật đôi khi còn chậm trễ; Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức

làm việc tại Bộ phận “Một cửa” không còn, do đó chưa động viên kịp thời tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

- Trong kỳ báo cáo là thời gian diễn biến phức tạp nhất của dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh An Giang đang diễn biến phức tạp do đó đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của kiểm soát thủ tục hành chính, đơn cử: việc tiếp nhận trực tiếp gần như ngưng hoàn toàn trên địa bàn tỉnh, hồ sơ tồn đọng rất nhiều không thể giải quyết kịp thời cho người dân (thực hiện giãn cách xã hội).

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

Triển khai vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh kết nối với Hệ thống báo cáo Chính phủ theo đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; Phân đấu hoàn thành các nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021; Quyết định 406/QĐ-TTg ngày 22/03/2021 của Thủ tướng; Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ trong việc triển khai thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Rà soát, xây dựng Cổng dịch vụ công cấp tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh theo đúng Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định số 468/QĐ-TTg.

Phối hợp với Văn phòng Chính phủ đôn đốc các Sở, ngành tỉnh và UBND các huyện khẩn trương hoàn thành việc rà soát, đề xuất phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện tốt và đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương, UBND tỉnh An Giang có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ

- Xem xét việc không tổ chức đánh giá tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ, vì sẽ hạn chế số lượng các thủ tục hành chính cung cấp mức độ 3, 4. Thay vào đó, nghiên cứu tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến theo mức độ 3, 4, nhằm tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi.

- Xem xét việc không tổ chức đánh giá tỷ lệ thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích có phát sinh hồ sơ, vì sẽ hạn chế số lượng các thủ tục hành chính cung cấp qua dịch vụ này. Thay vào đó, nghiên cứu tăng tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ này, nhằm tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

Thông tin nhanh đến địa phương (gửi văn bản hoặc mail) khi có Quyết định ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các TTHC thuộc lĩnh vực KH&CN để địa phương kịp thời tiến hành rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện các TTHC theo đúng quy định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Thống nhất danh sách các lĩnh vực theo các Quyết định công bố danh mục TTHC của Bộ GDĐT để trùng khớp với các lĩnh vực cập nhật trên phần mềm Cổng dịch vụ công quốc gia; Thủ tục Giải thể trường THPT bị trùng hai lần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (Hai mã khác nhau: 1.006389.000.00.00.H01; 1.005068.000.00.00.H01).

- Sớm ban hành Quyết định bãi bỏ Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đối với trung tâm giáo dục thường xuyên vì căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực.

- Đề nghị Bộ GDĐT bỏ quy định đối với thủ tục chuyển trường học sinh THCS thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh (trên Cổng dịch vụ công quốc gia) vì theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT, nội dung này thuộc thẩm quyền cấp huyện. Ngoài ra, đề nghị Bộ GDĐT xem xét ban hành văn bản thay thế Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT cho phù hợp với điều kiện hiện tại (có quy định thời gian thực hiện TTHC,...).

3. Văn phòng Chính phủ

- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ có hướng dẫn để địa phương thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC theo Nghị định 45/2020/NĐ-CP.

- Đề nghị rà soát, tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo đề xuất của các bộ, ngành. Vì hiện nay, một số TTHC theo danh mục dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 tại các Quyết định trước đây của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 846/QĐ-TTg

năm 2017, Quyết định số 877/QĐ-TTg năm 2018, Quyết định số 411/QĐ-TTg năm 2020, Quyết định số 406/QĐ-TTg năm 2021) đã không còn thực hiện hoặc đã thay thế bởi các TTHC mới.

- Đề xuất Văn phòng Chính phủ xem xét không tích hợp các thủ tục liên quan đến kỳ thi tốt nghiệp THPT, thi tuyển sinh đầu cấp vào Cổng Dịch vụ công vì nội dung này thực hiện trên phần mềm riêng của Bộ, của Tỉnh, số lượng hồ sơ phát sinh nhiều tại cùng thời điểm và theo quy chế thi.

UBND tỉnh An Giang kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Công an;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang (đăng tải B/C);
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 1

Các quyết định Công bố danh mục TTHC

(Kèm theo Báo cáo số 596/BC-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

2. Quyết định số 1883/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 05/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

4. Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 04/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

5. Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 30/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

6. Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 29/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y, Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

7. Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 29/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

8. Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

9. Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 06/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lý lịch tư pháp và thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

10. Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 05/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

11. Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 05/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế;

12. Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 02/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

13. Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 29/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

14. Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 15/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

PHỤ LỤC 2

Các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC

(Kèm theo Báo cáo số 596/BC-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

2. Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

3. Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 31/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;

4. Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam và và Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế;

5. Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

6. Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 11/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

7. Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

8. Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 14/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính

trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng;

9. Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 08/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

10. Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 05/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng và lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

11. Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 29/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

12. Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 22/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, phạm vi quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

13. Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 18/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

14. Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 15/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

15. Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 14/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, chức năng quản lý của Sở Tư pháp;

16. Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 14/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

PHỤ LỤC 3**Thông kê các đơn vị gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ**

(Kèm theo Báo cáo số 596/BC-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

STT	Tên đơn vị	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ	Ghi chú
CẤP TỈNH			
1	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang	x	
2	Sở Công thương tỉnh An Giang	x	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang	x	
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang	x	
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	x	
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang	x	
7	Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang	x	
8	Sở Nội vụ tỉnh An Giang	x	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang	x	
10	Sở Thông tin và truyền thông tỉnh An Giang	x	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang	x	
12	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	x	
13	Sở Y tế tỉnh An Giang	x	
14	Thanh tra tỉnh An Giang	x	
15	Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang	x	
16	Sở Tài chính tỉnh An Giang	x	
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	x	
18	Sở Tư pháp tỉnh An Giang	x	
19	Ban Dân tộc	x	
NGÀNH DỤC			
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
2	Hải quan tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
3	Cục thuế tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
4	Công an tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
5	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang		Chưa nhận được báo cáo
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang		Chưa nhận được báo cáo

STT	Tên đơn vị	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ	Ghi chú
7	Ngân hàng chính sách xã hội		Chưa nhận được báo cáo
8	Ngân hàng phát triển Việt Nam	x	Báo cáo giấy
CẤP HUYỆN			
1	TP. Long Xuyên	x	
2	TP. Châu Đốc	x	
3	Huyện Thoại Sơn	x	
4	Huyện Châu Thành	x	
5	Huyện Châu Phú	x	
6	Huyện Chợ Mới	x	
7	Huyện Phú Tân	x	
8	Huyện An Phú	x	
9	Huyện Tân Châu	x	
10	Huyện Tri Tôn	x	
11	Huyện Tịnh Biên	x	

Ghi chú:

- x: đã thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC và thực hiện nghiêm túc chế độ, thông tin báo cáo theo quy định (đủ điều kiện hỗ trợ chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát TTHC).
- 0: Chưa gửi báo cáo (Tại thời điểm hoàn chỉnh báo cáo).

PHỤ LỤC 4

Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã năm 2020 trên hệ thống Báo cáo Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 596/BC-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

I. SỐ LIỆU TỔNG CỦA TỪNG CẤP

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG = A + B + C	235.244	58.639	149.718	26.887	228.293	34.191	193.925	177	6.780	6.753	27	228116	96,970%
A	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	10.919	6.316	3.923	680	10.003	2.381	7.606	16	916	891	25	9987	91,464%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)	(15)=(14)/ (3)
B	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp huyện	89.411	9.030	55.327	25.054	84.572	13.685	70.727	160	4.839	4.837	2	84412	94,409%
C	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp xã	134.914	43.293	90.468	1.153	133.718	18.125	115.592	1	1.025	1.025	-	133717	99,113%
D	Tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của các Cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh An Giang	1.201.684	585.194	306.730	309.760	904.682	563.294	341.385	3	297.003	296.997	6	904679	75,284%

II. CHI TIẾT CẤP TỈNH

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) + (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+ (13)	(12)	(13)	(14)= (8)+(9)	(15)= (14)/ (3)
	TỔNG	10.919	6.316	3.923	680	10.003	2.381	7.606	16	916	891	25	9987	91,464%
1	Sở Thông tin và truyền thông	10	10	-	-	10	10	-	-	-	-	-	10	100%
2	Thanh tra	18	-	18	-	18	9	9	-	-	-	-	18	100%
3	Sở Giao thông Vận tải	2.703	1.527	1.176	-	2.703	-	2.703	-	-	-	-	2703	100%
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	906	154	752	-	904	904	-	-	2	2	-	904	99,78%
5	Sở Tài chính	120	103	17	-	119	118	1	-	1	1	-	119	99,17%
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	716	270	436	10	708	118	590	-	8	8	-	708	98,88%
7	Sở Công thương	3.859	3.810	49	-	3.812	26	3.786	-	47	47	-	3812	98,78%
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	31	31	-	-	30	15	14	1	1	1	-	29	93,55%
9	Ban quản lý Khu kinh tế	15	10	1	4	14	11	3	-	1	1	-	14	93,33%
10	Sở Khoa học và Công nghệ	16	3	5	8	14	14	-	-	2	2	-	14	87,50%
11	Sở Xây dựng	301	-	207	94	260	242	16	2	41	41	-	258	85,71%
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	268	10	222	36	228	224	4	-	40	40	-	228	85,07%
13	Sở Tư pháp	738	235	168	335	617	615	2	-	121	121	-	617	83,60%
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	88	62	12	14	73	73	-	-	15	15	-	73	82,95%
15	Sở Y tế	269	21	178	70	222	-	222	-	47	47	-	222	82,53%
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	250	70	80	100	199	-	186	13	51	26	25	186	74,40%

[illegible]

III. CHI TIẾT CẤP HUYỆN

ST T	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyển	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+ (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9) + (10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12) +(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+ (9)	(15)= (14)/ (3)
TỔNG		89.411	9.030	55.327	25.054	84.572	13.685	70.727	160	4.839	4.837	2	84412	94,409%
1	Huyện Châu Thành	31.071	4.939	10.997	15.135	30.938	2.031	28.907	-	133	133	-	30938	99,572%
2	Huyện Thoại Sơn	15.476	-	15.272	204	15.383	-	15.383	-	93	93	-	15383	99,399%
3	TP. Châu Đốc	5.455	-	5.083	372	5.410	2.987	2.423	-	45	45	-	5410	99,175%
4	Huyện Chợ Mới	4.367	596	2.794	977	4.050	270	3.780	-	317	317	-	4050	92,741%
5	Huyện Phú Tân	3.398	2.262	452	684	3.122	56	3.066	-	276	276	-	3122	91,878%
6	TP. Long Xuyên	6.689	1.096	4.197	1.396	6.125	3.183	2.942	-	564	564	-	6125	91,568%
7	Thị xã Tân Châu	4.081	127	3.338	616	3.631	3.446	185	-	450	448	2	3631	88,973%
8	Huyện Tịnh Biên	6.436	-	4.492	1.944	5.717	1.655	4.043	19	719	719	-	5698	88,533%
9	Huyện Châu Phú	3.746	-	3.027	719	3.441	3	3.309	129	305	305	-	3312	88,414%
10	Huyện An Phú	4.356	10	3.226	1.120	3.790	54	3.724	12	566	566	-	3778	86,731%
11	Huyện Tri Tôn	4.336	-	2.449	1.887	2.965	-	2.965	-	1.371	1.371	-	2965	68,381%

IV. CHI TIẾT CẤP XÃ

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)	(15)=(14)/ (3)
TỔNG		134.914	43.293	90.468	1.153	133.718	18.125	115.592	1	1.025	1.025	-	133717	99,113%
1	TP. Long Xuyên	23.047	5.853	16.677	517	23.047	3.857	19.190	-	-	-	-	23047	100%
2	Thị xã Tân Châu	4.184	467	3.717	-	4.184	441	3.743	-	-	-	-	4184	100%
3	Huyện Thoại Sơn	12.983	1.177	11.806	-	12.983	-	12.983	-	-	-	-	12983	100%
4	Huyện Châu Thành	2.351	667	1.684	-	2.351	130	2.221	-	-	-	-	2351	100%
5	Huyện Chợ Mới	22.756	7.577	15.173	6	22.756	1.903	20.853	-	-	-	-	22756	100%
6	Huyện Phú Tân	10.907	6.342	4.554	11	10.907	8.291	2.615	1	-	-	-	10906	99,991%
7	Huyện Châu Phú	5.372	274	5.098	-	5.371	382	4.989	-	1	1	-	5371	99,981%
8	Huyện An Phú	9.453	510	8.943	-	9.451	428	9.023	-	2	2	-	9451	99,979%
9	Huyện Tri Tôn	25.306	18.853	5.834	619	25.290	329	24.961	-	16	16	-	25290	99,937%
10	Huyện Tịnh Biên	12.501	1.573	10.928	-	12.330	2.364	9.966	-	-	-	-	12330	98,632%
11	TP. Châu Đốc	6.054	-	6.054	-	5.048	-	5.048	-	1.006	1.006	-	5048	83,383%

V. CHI TIẾT NGÀNH DỤC

ST T	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13) ()	(12)	(13) ()	(14)=(8)+(9)	(15)=(14)/ (3)
TỔNG		1.201.684	585.194	306.730	309.760	904.682	563.294	341.385	3	297.003	296.997	6	904679	75,284%
1	TTHC do Cục Hải quan tỉnh An Giang tiếp nhận, giải quyết TTHC	11.978	8.849	3.129	-	11.978	-	11.978	-	-	-	-	11978	100%
2	TTHC do Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang tiếp nhận, giải quyết TTHC	25	-	24	1	25	12	13	-	1	1	-	25	100%
3	TTHC do Cục Thuế tỉnh An Giang tiếp nhận, giải quyết TTHC	39.422	18.059	21.330	33	39.419	7.706	31.713	-	3	3	-	39419	99,992%
4	TTHC do Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang tiếp nhận, giải quyết TTHC	152.067	139.851	12.195	21	152.024	152.024	-	-	43	43	-	152024	99,972%

[illegible]